

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HS-ST
Ngày 04- 9- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phúc An Hoàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hoàng Văn Tấn**

2. Bà **Mai Hoa Viễn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/TLST-HS ngày 28/7/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 21/8/2020 đối với bị cáo:

HÀ VĂN D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14/5/1994 tại huyện C, tỉnh T;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn D1 và bà Hà Thị K; anh, chị, em ruột: Có 02 anh chị em, bị cáo là thứ nhất; vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2017/HSST/2017 ngày 03/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp 7.390.000 đồng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/6/2018.

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Hà Thị N, sinh năm 1956; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh T (*vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn D: Bà Vũ Thanh Thủy, trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn D đã có tiền án (tại bản án số 63/2017/HSST ngày 03/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T tuyên phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản). Khoảng 09 giờ ngày 23/3/2020, D một mình đi bộ từ nhà xuống ngã ba thôn K, xã Y, huyện C chơi thì nhìn thấy bà Hà Thị N, trú cùng thôn đang vun ngô ở cạnh nhà và ông Hoàng Văn G (chồng bà N) đang ngồi ở sân trước nhà, thấy vậy D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để chi tiêu cá nhân. Sau đó D đi bộ vòng ra phía sau nhà bà N, quan sát thấy cửa phía sau nhà bếp không khóa nên D mở cửa vào trong lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71, màn hình cảm ứng, màu đen; 01 chiếc sạc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng cùng dây sạc để ở đầu giường kê trong nhà bếp, cất giấu vào trong túi quần đang mặc rồi D đi lên nhà chính lấy trộm 01 chiếc túi vải thổ cẩm có in nhiều hình hoa văn các màu trắng, xanh, đỏ, tím để ở giường, bên trong túi có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 215, vỏ màu đen, loại bàn phím và số tiền 710.000 đồng, lấy được tài sản, trên đường về D vớt chiếc túi ở khu vực đồi PC, thôn CT, xã Y, huyện C; 02 chiếc điện thoại và số tiền 710.000đ cất giấu vào bên trong thân 01 cây cọ đã bị mục, đổ ở ven đường, thôn K, xã Y, huyện C. Còn chiếc sạc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng cùng dây sạc thì D đem về cất giấu ở đồi cây keo phía sau nhà ở của D rồi đi về nhà. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Công an xã Y mời D đến làm việc, tại đây D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS, ngày 17/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chiêm Hóa, kết luận: Giá trị 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71 có vỏ màu đen (Gồm cả sạc và dây sạc theo máy) là 800.000 đồng; 01 chiếc túi bằng vải thổ cẩm là 20.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 215 có vỏ màu đen là 200.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A71, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, máy cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA-215, màu đen, cũ, đã qua sử dụng và số tiền mặt 710.000 đồng; 01 túi vải thổ cẩm có in nhiều hình hoa văn các màu trắng, xanh, đỏ, tím; Hà Văn D tự nguyện giao nộp 01 sạc điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng và dây cáp sạc. Ngày 14/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã quyết định xử lý vật chứng, trả lại toàn bộ tài sản thu giữ trên cho chủ sở hữu.

Cáo trạng số: 44/CT-VKSCH ngày 27/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Hà Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Hà Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng, thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã được trả lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề nghị xem xét.

Về vật chứng vụ án: Các tài sản của bà Hà Thị N trong giai đoạn điều tra cơ quan điều tra đã thu hồi và trả cho bà N, do vậy không phải xem xét.

Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án của bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn D xác định ngày 23/3/2020 bị cáo D đã có hành vi trộm cắp tài sản của gia đình bà Hà Thị N với số tiền là 1.730.000 đồng, bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà vi phạm nên việc xét xử là đúng quy định. Bị cáo thành khẩn khai báo, là hộ nghèo, dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, trình độ văn hóa hạn chế. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Hà Văn D ở mức khởi điểm điều luật quy định. Về trách nhiệm dân sự, hình phạt bổ sung đề nghị hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát; nhất trí nội dung bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, không bổ sung gì thêm. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Lời khai của bị hại xác định đã mất tài sản, đã nhận lại tài sản trong giai đoạn điều tra, tài sản không bị hư hỏng không yêu cầu bị cáo bồi thường về tài sản và công truy tìm tài sản. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, bị hại phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 23/3/2020, bị cáo Hà Văn D có hành vi trộm cắp tài sản của bà Hà Thị N, trú tại thôn K, xã Y, huyện C, tỉnh T gồm 02 chiếc điện thoại di động; 01 sạc điện thoại kèm theo dây sạc; 01 túi vải thổ cẩm, có tổng trị giá là 1.020.000 đồng và 710.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 1.730.000 đồng (*Một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*). Mặc dù tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà tiếp tục vi phạm, do đó việc xử lý hình sự đối với bị cáo là cần thiết. Đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó phải chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước.

Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (giá trị tài sản chiếm đoạt 7.390.000 đồng), chấp hành xong bản án ngày 11/6/2018, tiền án về tội trộm cắp tài sản là yếu tố định tội với bị cáo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn ăn hối cải*”, “*bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*”, “*là dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt*”

khó khăn” theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung; nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và người tham gia tố tụng khác thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không ăn năn hối cải, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về vật chứng vụ án: Các tài sản của bị hại Hà Thị N đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang trả lại đầy đủ, nên không phải xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại đã nhận lại được tài sản, tài sản không bị hư hỏng, không yêu cầu bị cáo bồi thường về giá trị cũng như công truy tìm tài sản, do vậy, không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Hà Văn D, 08 (*tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày vào trại chấp hành án.

Hà Văn D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/9/2020.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Sở tư pháp;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phúc An Hoàn

